

**KẾT QUẢ THI MÔN TRIẾT KHÓA THÁNG 10/2025 - LỚP TRIẾT 04- LẦN 2**

(Chương trình không chuyên dành cho học viên Sau đại học)

Khóa học: từ 20/10/2025 đến 29/11/2025

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 15g30, ngày 20/03/2026

Mã lớp: TR04

(Quyết định thành lập HĐ số 3571 /QĐ-KHTN ngày 12/11/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên)

**1. Cách tính điểm môn Triết**

- Học viên phải học và thi đủ cả 3 phần của môn học: giữa kỳ (GK), khóa luận (KL), cuối kỳ (CK)
- Điểm bài thi cuối kỳ và bài khóa luận phải đạt từ 5.0 điểm trở lên. Điểm bài thi giữa kỳ không tính điểm liệt
- Điểm môn học (ĐMH) = (Điểm giữa kỳ \* 10%) + (điểm khóa luận\* 30%) + (điểm cuối khóa\* 60%)
  - \* Điểm môn học (ĐMH) **đạt** khi  $\geq 5.5$  điểm và điểm bài thi cuối kỳ, bài khóa luận  $\geq 5.0$  điểm
  - \* Điểm môn học (ĐMH) **không đạt** khi  $< 5.5$  điểm hoặc điểm bài thi cuối kỳ, bài khóa luận  $< 5.0$  điểm

**2. Kết quả môn Triết:**

Học viên đạt yêu cầu điểm thi môn Triết học, phòng ĐT Sau đại học sẽ tự cập nhật điểm vào hệ thống chương trình thạc sĩ và không cấp chứng nhận môn Triết

Nếu học viên có nhu cầu sử dụng kết quả thi môn triết để dùng cho mục đích cá nhân khác thì đăng ký cấp giấy xác nhận qua email: dtsaudaihoc@hcmus.edu.vn hay trực tiếp tại phòng ĐT Sau đại học.

Học viên không đạt điểm môn Triết sau 2 lần thi hoặc vắng thi lần 2 khi đã đăng ký thi thì phải đăng ký học lại cùng khóa sau. Không xét bảo lưu điểm các thành phần thi đã đạt của khóa học này.

**3. Kết quả thi**

Stt	Mã HV	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm thi				Ghi chú
						GK	KL	CK	ĐMH	
1	25C68002	TR04 017	Mai Sơn Ngân	Giang	09/08/2001	7,0	6,0	v		Học lại
2	25C15008	TR04 022	Phạm Ngọc	Hiếu	12/10/2000	7,0	7,0	4,5		Học lại
3	25C66003	TR04 025	Võ Đắc	Hồ	06/09/1999	7,5	7,0	6,5	6,8	Đạt
4	25C82001	TR04 028	Đỗ Việt	Hoàng	25/07/1998	7,5	7,0	3,0		Học lại
5	25C56012	TR04 032	Đặng Gia	Hương	01/09/2002	6,5	7,0	7,5	7,3	Đạt
6	22C28026	TR04 039	Phan Châu Bảo	Khánh	29/04/1999	4,0	7,0	7,0	6,7	Đạt
7	25C67005	TR04 040	Nguyễn Ngọc Yến	Khoa	26/02/2000	6,5	7,0	6,5	6,7	Đạt
8	24C21003	TR04 057	Nguyễn Minh	Ngọc	02/04/2001	5,5	7,0	3,0		Học lại
9	25C34010	TR04 061	Lê Hoài	Nhân	23/01/1997	6,5	7,0	6,5	6,7	Đạt
10	25C34011	TR04 064	Từ Ý	Nhi	08/10/2002	6,0	6,5	7,0	6,8	Đạt
11	25C66006	TR04 068	Huỳnh Thị Hồng	Phấn	04/09/2001	8,0	6,5	6,0	6,4	Đạt
12	25C63015	TR04 069	Hà Văn	Phước	08/02/2002	4,0	7,5	7,5	7,2	Đạt
13	25C02005	TR04 080	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	13/09/2002	6,5	6,5	5,5	5,9	Đạt
14	25C61008	TR04 083	Lê Thanh	Thảo	19/03/1991	6,0	7,5	5,5	6,2	Đạt
15	25C15026	TR04 090	Dương Thùy	Tiên	21/04/2001	7,0	7,0	2,0		Học lại
16	25C12011	TR04 091	Nguyễn Bảo	Trâm	11/11/2001	8,0	7,0	5,5	6,2	Đạt
17	25C28016	TR04 099	Lê Quang	Trường	30/07/1992	7,0	7,5	6,0	6,6	Đạt
18	25C67014	TR04 100	Nguyễn Minh Nhật	Trường	02/03/2001	6,0	7,0	6,0	6,3	Đạt
19	22C15046	TR04 101	Lê Thanh	Tú	13/12/1990	6,5	v	v		Học lại
20	25C02008	TR04 102	Lê Hoàng	Tuấn	03/12/2002	6,5	7,0	6,0	6,4	Đạt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
KHOA HỌC  
TỰ NHIÊN  
Nguyễn Xuân Vinh